

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)			1.234.825.110	1.234.825.110
Cổ phiếu Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội	20.000	20.000	250.375.110	250.375.110
Cổ phiếu Công ty CP Xây lắp Bưu điện Cần Thơ	15.000	15.000	156.450.000	156.450.000
Cổ phiếu Công ty CP Niên giám Điện thoại và Trang vàng 1 Việt Nam	15.000	15.000	188.400.000	188.400.000
Cổ phiếu Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hải Phòng	13.560	13.560	139.600.000	139.600.000
Công ty CP Thương mại và Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh (**)	50.000	50.000	500.000.000	500.000.000
Góp vốn vào			7.531.670.000	7.531.670.000
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện	700.000	700.000	7.531.670.000	7.531.670.000
Đầu tư khác			81.360.000	81.360.000
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Sam Phú (***)	8.136	8.136	81.360.000	81.360.000
			8.847.855.110	8.847.855.110

(*) Đây là các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và cũng chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom). Tại thời điểm 30/06/2014 do không đủ cơ sở để xác định được giá thị trường của các chứng khoán này nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

(**) Thông tin bổ sung về cổ phiếu của Công ty CP Thương mại và Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh:

Công ty CP Thương mại và Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh đã lên Phương án giải thể và gửi cho các cổ đông hiện hữu. Theo báo cáo tình hình hoạt động và hiện trạng số 14/Postcom ngày 31/05/2014 của Công ty này thì phần giá trị Công ty CP Hacisco dự kiến sẽ nhận được khi đơn vị này giải thể là 475.843.845 đồng. Đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có kết quả chính thức của việc giải thể này.

(***) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú mà Hacisco đang nắm giữ tại 30/06/2014 là 68.136 cổ phiếu. Trong đó 60.000 CP đã được lưu ký nên Công ty đang thực hiện theo dõi trên khoản mục đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng theo quy định đối với cổ phiếu đã được niêm yết. Số lượng còn lại 8.136 cổ phiếu là số lượng cổ phiếu mua từ đợt phát hành thêm, Công ty chưa làm được thủ tục lưu ký nên Công ty đang theo dõi trên khoản mục đầu tư dài hạn khác và không thực hiện trích lập dự phòng. Ngoài ra Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đã có phương án giải thể theo như thuyết minh số 4 trang 21

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	28.653.355	118.545.334
Số tăng trong kỳ	-	67.831.835
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(16.957.964)	(80.541.171)
Số dư cuối kỳ	11.695.391	105.835.998
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.695.391	28.653.355
	11.695.391	28.653.355

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn tại Ban Quản lý KCN Lê Minh Xuân - Hợp đồng thuê đất	30.000.000	30.000.000
Ký quỹ dài hạn tại Công ty Tài chính Bưu điện - Bảo lãnh dự thầu	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng SHB - CN Trung Hòa- Nhân Chính - Bảo lãnh thực hiện hiện hợp đồng	41.277.543	-
Ký quỹ thuê văn phòng cho Xí nghiệp miền Nam tại TP Hồ Chí Minh	10.000.000	10.000.000
	581.277.543	540.000.000

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn CBCNV không lãi suất	176.000.000	176.000.000
	176.000.000	176.000.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.855.876.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	514.731.675
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.174	1.240.174
	1.240.174	2.371.848.218

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Trích trước chi phí công trình đã hoàn thành và thanh lý với chủ đầu tư</i>	6.693.570.710	6.873.479.591
Chi phí Nguyên vật liệu	4.243.188.257	4.476.240.457
Chi phí chung	2.450.382.453	2.397.239.134
<i>Trích trước chi phí các công trình đang thực hiện</i>	5.624.205.238	6.097.283.847
Chi phí Nguyên vật liệu	2.470.760.378	2.880.321.121
Chi phí chung	3.153.444.860	3.216.962.726
	12.317.775.948	12.970.763.438

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	22.559.462	42.412.374
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.280.752.806	6.456.367.362
<i>Cổ tức phải trả</i>	51.723.770	51.723.770
<i>Chi phí công trình phải trả các đội thi công</i>	7.137.850.642	6.309.230.145
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	91.178.394	95.413.447
	7.303.312.268	6.498.779.736

20 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	619.160.549	588.559.649
	619.160.549	588.559.649

21 . NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	5.679.533.438	151.402.505.364
Lợi nhuận phát sinh	-	-	-	-	-	203.346.801	203.346.801
Số dư cuối kỳ trước	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	5.882.880.239	151.605.852.165
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	9.083.597.134	154.806.569.060
Lợi nhuận phát sinh	-	-	-	-	-	584.056.282	584.056.282
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(620.597.134)	(620.597.134)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Số dư cuối kỳ này	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	8.984.056.282	154.707.028.208

Theo Nghị quyết ngày 23/5/2014 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết ngày 24/5/2013 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2013. Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013, 2012 như sau:

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2012

Chi thù lao cho HĐQT, BKS năm 2012

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2013

Chi thù lao cho HĐQT, BKS năm 2013

299.533.441

123.300.000

321.063.693

126.000.000

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	27,63%	27,63%	22.100.000.000	22.100.000.000
Vốn góp của Robert Alexander Stone	11,94%	11,94%	9.550.000.000	9.550.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60,44%	60,44%	48.350.000.000	48.350.000.000
	100%	100%	80.000.000.000	80.000.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ:			200.000	200.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25	25
+ Cổ phiếu phổ thông	25	25
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(139.682.976)	(21.143)
+ Cổ phiếu phổ thông	(139.682.976)	(21.143)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	48.350.000.000	200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	48.350.000.000	200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	30/06/2014	01/01/2014
Quỹ đầu tư phát triển	7.962.734.509	7.962.734.509
Quỹ dự phòng tài chính	3.140.058.654	3.140.058.654
	11.102.793.163	11.102.793.163

22 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	6.517.873.015	1.210.090.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.600.037.534	2.344.522.364
Doanh thu hoạt động xây lắp	11.178.816.024	18.267.843.246
	20.296.726.573	21.822.455.610

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	6.080.895.909	1.109.780.988
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.536.513.666	1.900.458.369
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	10.553.672.221	17.378.223.880
	18.171.081.796	20.388.463.237

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.215.322.687	1.799.189.953
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.807.000	36.000.000
	1.226.129.687	1.835.189.953

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.280.560	-
Hoàn nhập/ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(622.393.100)	235.059.900
Chi phí tài chính khác	2.117.505	-
	(613.995.035)	235.059.900

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.252.990.798	1.145.547.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.825.686	418.539.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.908.984	251.357.334
Chi phí khác bằng tiền	1.409.716.171	936.493.283
	3.175.441.639	2.751.938.231